

Một số giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ ở nước ta hiện nay

Đỗ Thị Thơm

Ban Chính sách – Luật pháp, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Nguồn nhân lực nữ là một bộ phận không thể tách rời có vai trò quyết định để nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Trong giai đoạn tới, phát triển nguồn nhân lực được xác định là một trong những khâu đột phá chiến lược của Việt Nam trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Bài viết này tập trung vào việc tổng hợp số liệu và nghiên cứu tài liệu, tác giả bài viết đi vào phân tích những vấn đề lý luận về thực trạng nguồn nhân lực nữ, từ đó đưa ra các giải pháp phát triển nguồn nhân lực nữ trong quá trình hội nhập sâu rộng của Việt Nam hiện nay.

1. Thực trạng nguồn nhân lực nữ của Việt Nam hiện nay

Theo số liệu điều tra lao động việc làm năm 2020 của Tổng cục thống kê, Việt Nam có 53,6 triệu người có việc làm và hơn 1,2 triệu người thất nghiệp. Trong đó, lao động là nữ giới (47,4%) chiếm tỷ trọng thấp hơn lao động là nam giới (52,6%). Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động chênh lệch đáng kể giữa nam giới (79,9%) và nữ giới (69,0%) và không đồng đều giữa các vùng. Trong tổng số 54,82 triệu người từ 15 tuổi trở lên thuộc lực lượng lao động của cả nước, chỉ có khoảng 13,2 triệu người đã được đào tạo, chiếm khoảng 24,0% tổng lực lượng lao động. Hiện cả nước có hơn 41,6 triệu người (chiếm khoảng 76,0 % lực lượng lao động) chưa được đào tạo để đạt một trình độ chuyên môn kỹ thuật (CMKT) nhất định. Như vậy, nguồn nhân lực của nước ta trẻ và dồi dào nhưng trình độ tay nghề và chuyên môn kỹ thuật còn thấp. Xét về trình độ học vấn, tỷ trọng lao động có việc làm chưa bao giờ đi học chiếm 3,2% trong tổng số người có việc làm, trong đó nữ giới chiếm tỷ lệ cao hơn nam giới (59,0%). Ở các trình độ học vấn thấp (từ chưa bao giờ đi học cho đến tốt nghiệp trung học phổ thông), lao động là nam giới chiếm tỷ lệ ít hơn hoặc tương đương so với nữ giới. Tuy nhiên, ở các trình độ cao (có trình độ chuyên môn kỹ thuật) lao động là nam giới chiếm tỷ trọng cao hơn so với lao động là nữ giới.

Năm 2020, lao động giản đơn chiếm tỷ trọng là 33,4% (tương đương gần 17,9 triệu người). Các nhóm nghề cơ bản khác bao gồm "dịch vụ cá nhân, bảo vệ và bán hàng" (9,6 triệu người tương đương 18,0%); "thợ thủ công và các thợ khác có liên quan" (gần 7,4 triệu người tương đương 13,7%) và "thợ

lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị" (7,1 triệu người tương đương 13,2%). Ngược lại, lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật bậc cao và lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật bậc trung chiếm tỷ trọng khá khiêm tốn trong tổng số lao động đang làm việc (tương ứng là 8,0% và 3,2%).

Khảo sát của Học viện Phụ nữ Việt Nam cho thấy, tỷ lệ lao động biết ngoại ngữ chiếm 32,7%, trong đó chỉ có 1/3 là biết tiếng Anh. Trên thực tế có khoảng cách khá xa trong mức độ biết ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ vào công việc (dao động từ 1,2% đến 3,1%) của người lao động. Trong tương quan so sánh, khả năng biết và sử dụng ngoại ngữ của lao động nam cũng cao hơn so với lao động nữ. Trình độ tin học, tỷ lệ lao động nữ có khả năng sử dụng tin học văn phòng là 33,1%; khả năng sử dụng thành thạo tin học chuyên ngành là 15,7%. Đối với lao động nam, tỷ lệ này lần lượt là 49,4% và 20,9%.

Từ những phân tích trên cho thấy, chất lượng nguồn nhân lực nữ hiện nay vẫn còn hạn chế về nhiều mặt, trong đó nổi lên rõ nhất là trình độ học vấn, chuyên môn còn thấp và kỹ năng ứng dụng tin học, ngoại ngữ vào công việc chưa cao. Phụ nữ bị hạn chế hơn nam giới về cơ hội có việc làm và thu nhập do quan điểm xã hội, trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp còn thấp. Hiện nay vẫn còn những khoảng cách về giới đang tồn tại, như tỷ số giới tính khi sinh vẫn còn chênh lệch rất lớn giữa nam và nữ, định kiến với phụ nữ giữ vai trò lãnh đạo, phụ nữ phải chịu trách nhiệm thực hiện các công việc chăm sóc không được trả công;

Điều này đặt ra nhiệm vụ cấp thiết đối với công tác đào tạo nghề cho nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực nữ nói riêng nhằm đáp ứng ngày

càng cao nhu cầu lao động của xã hội. Thực tiễn cũng cho thấy, khi thị trường lao động yêu cầu trình độ chuyên môn kỹ thuật ngày càng cao thì phụ nữ thường rơi vào nhóm xã hội dễ bị tổn thương; trong bối cảnh giảm việc làm, phụ nữ dễ bị đối mặt với nguy cơ mất việc làm và tình trạng thất nghiệp.

2. Quan điểm của Đảng và chính sách của nhà nước về nguồn nhân lực nữ

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã cụ thể hóa quan điểm bình đẳng giới bằng những nghị quyết và chỉ thị về công tác phụ nữ. Cụ thể là:

Nghị quyết số 04-NQ/TW của Bộ Chính trị về "Đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới" (12/7/1993), mục tiêu giải phóng phụ nữ hiện nay là thiết thực cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của chị em, nâng cao vị trí xã hội của phụ nữ, thực hiện tốt nam nữ bình đẳng. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam có sức khỏe, có kiến thức, năng động, sáng tạo, biết làm giàu chính đáng, quan tâm đến lợi ích xã hội và cộng đồng, có lòng nhân hậu. Nghị quyết xác định, sự nghiệp giải phóng phụ nữ và công tác phụ nữ là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, của toàn xã hội và từng gia đình, vì vậy, "phải xem giải phóng phụ nữ là một mục tiêu và nội dung quan trọng của công cuộc đổi mới và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta"

Tiếp đó, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 37-CT/TW về "Một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới" (16/5/1994), trong đó Đảng ta xác định rõ: "Nâng cao tỷ lệ cán bộ nữ tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội là yêu cầu quan trọng để thực hiện quyền bình đẳng, dân chủ của phụ nữ, là điều kiện để phát huy tài năng, trí tuệ và nâng cao địa vị xã hội của phụ nữ. Chống những biểu hiện lệch lạc, coi thường phụ nữ, khắt khe, hẹp hòi trong đánh giá, đề bạt cán bộ nữ"

Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (2001) chỉ rõ: "Đối với phụ nữ, thực hiện tốt luật pháp và chính sách bình đẳng giới, bồi dưỡng, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao học vấn; có cơ chế, chính sách để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp, các ngành, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em; tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt thiên chức người mẹ; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc".

Đại hội lần thứ X của Đảng (2006) tiếp tục khẳng định: "Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần thực hiện bình đẳng giới. Tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của người công

dân, người lao động, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Bồi dưỡng, đào tạo để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp. Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Bổ sung và hoàn chỉnh các chính sách về bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, thai sản, chế độ đối với lao động nữ. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và các hành vi bạo lực, xâm hại và xúc phạm nhân phẩm phụ nữ".

Đặc biệt, ngày 27/4/2007, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 11-NQ/TW về "Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" là Nghị quyết được ban hành sau hơn 10 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW về công tác cán bộ nữ và trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế thế giới.

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII của Đảng (2016) một lần nữa nhấn mạnh: "Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, chế độ thai sản, nghỉ dưỡng, khám, chữa bệnh, bình đẳng giới. Thực hiện tốt chiến lược dân số, gia đình, chương trình hành động vì trẻ em..., đầu tư nâng cao chất lượng dân số, chỉ số phát triển con người, bảo đảm tổng tỷ suất sinh thay thế, giảm dần sự mất cân bằng tỷ lệ giới tính khi sinh..."

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định rất cụ thể về phụ nữ và công tác phụ nữ "Phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Tăng cường các chương trình phát triển, hỗ trợ cập nhật tri thức, kỹ năng cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới. Kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em".

Trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020, nhiều mục tiêu đã được thực hiện hiệu quả, nổi bật. Sau 10 năm triển khai Chiến lược, chúng ta đã thu được nhiều kết quả đáng khích lệ, góp phần thu hẹp khoảng cách giới trong các lĩnh vực, đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Đặc biệt, kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 với tỷ lệ 30,26% nữ đại biểu Quốc hội và gần 30% nữ tham gia Hội đồng Nhân dân các cấp là minh chứng rõ nét cho những nỗ lực trong thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam.

Luật bình đẳng giới năm 2006 là văn bản luật

nhằm xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình

Luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019 thay thế cho Bộ Luật lao động năm 2006 đã có những điểm mới đặc biệt có một chương những quy định riêng đối với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới.

3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực nữ của nước ta hiện nay

Một là, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và từng gia đình, cá nhân về sự cần thiết của việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu rộng tới mọi tầng lớp nhân dân chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực; đặc biệt về vị trí, vai trò nguồn nhân lực nữ. Xác định trách nhiệm của các cấp, các ngành, của mỗi gia đình trong công tác phát triển nguồn nhân lực nói chung, nhân lực nữ nói riêng;

Hai là, Hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác phụ nữ; Thực hiện các mục tiêu Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030, nhằm mục tiêu tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, tăng cường lồng ghép giới trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tiếp cận bình đẳng giới toàn diện; xóa bỏ bạo lực trên cơ sở bình đẳng giới. Xây dựng chính sách quốc gia về phát triển nguồn nhân lực nữ, phát huy vai trò, tiềm năng của phụ nữ; nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực; đồng thời chăm lo, quan tâm, tạo điều kiện để phụ nữ phát triển; đảm bảo quyền lợi cũng như công tác đào tạo, phát triển, tuyển dụng, sử dụng và đãi ngộ nguồn nhân lực nữ.

Ba là, nâng cao trình độ học vấn chuyên môn, kỹ thuật cho nguồn nhân lực nữ qua nhiều cấp học và đào tạo như: giáo dục phổ thông; giáo dục chuyên nghiệp, dạy nghề; giáo dục đại học và sau đại học. Đa dạng hóa hình thức giáo dục để tạo cơ hội và điều kiện cho nhân lực nữ được tiếp cận thuận lợi để không ngừng nâng cao trí lực của mình - tạo giá trị và cơ hội học tập suốt đời. Tăng cường phát triển thể chất, nâng cao thể lực cho nguồn nhân lực nữ,

trong đó chú trọng xây dựng dựng và triển khai các chính sách chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ về y tế cho nguồn nhân lực nữ nói chung và đặc biệt đối với nguồn nhân lực nữ ở khu vực nông thôn, và nhóm nhân lực nữ dễ bị tổn thương.

Bốn là, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam với vai trò nòng cốt đại diện và bảo vệ cho quyền và lợi ích chính đáng của phụ nữ tiếp tục thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kết luận số 26-TB/TW của Ban Bí thư ngày 09/5/2011 về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị 49-CT/TW2; Nghị quyết 11- NQ/TW của Bộ Chính trị về Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đã được ban hành ngày 27/4/2007. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát huy vai trò đồng hành, hỗ trợ các tầng lớp phụ nữ, nhất là phụ nữ nghèo, phụ nữ yếu thế, phụ nữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số có cơ hội vươn lên. Thông qua việc phát động các tầng lớp phụ nữ thực hiện phong trào thi đua "Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc" và hai cuộc vận động: "Rèn luyện phẩm chất đạo đức: tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang", "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch", các chương trình, đề án, nhiệm vụ hoạt động hội đã hỗ trợ, động viên, khuyến khích các tầng lớp, các nhóm phụ nữ vươn lên trong cuộc sống, phát huy sức sáng tạo, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội trong bối cảnh mới./.

Tài liệu tham khảo

Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016

Ban Chấp hành Trung ương, Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị "Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng", ngày 30-5-2019

Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021

Báo cáo Tổng hợp đề tài: Cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực nữ trong giai đoạn 2011-2020, Học viện Phụ nữ Việt Nam.

Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2020, Tổng cục thống kê

Tạp chí Cộng sản: Phụ nữ Việt Nam khơi dậy khát vọng phát triển, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

<https://quochoi.vn/uybanvecacvandexahoi/lap-phap: Cấn tăng cường lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật>